

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các công qua đê thuộc công trình
nâng cấp, cải tạo khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung
đoạn từ K5+590 - K10+200, huyện Hoằng Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 113/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện Hoằng Hóa đối với dự án nâng cấp, cải tạo khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+590 - K10+200, huyện Hoằng Hóa: Số 419/QĐ-QLDA ngày 01/11/2024 về việc phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán công trình; số 487/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 08: Thi công xây dựng + thiết bị, công trình;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 33/TTr-SNN&PTNT ngày 05/02/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công công qua đê thuộc công trình nâng cấp, cải tạo khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+590 - K10+200, huyện Hoằng Hóa (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các công qua đê thuộc công trình nâng cấp, cải tạo khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+590 - K10+200, huyện Hoằng Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục công trình: Các cống qua đê tại các vị trí: K6+326,53; K6+763,45; K7+570,3; K8+778,24 và K7+806,68 đê Đông sông Cung thuộc công trình nâng cấp, cải tạo khắc phục sạt lở tuyến đê Đông sông Cung đoạn từ K5+590 - K10+200, huyện Hoàng Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD huyện Hoàng Hóa.

3. Nhà thầu thi công xây dựng công trình: Liên danh Xuân Thanh - Tiếp Nam Giang - Đại Nam Hậu Lộc.

4. Vị trí xây dựng: Tại các vị trí: K6+326,53; K6+763,45; K7+570,3; K8+778,24 và K7+806,68 đê Đông sông Cung, huyện Hoàng Hóa.

5. Kích thước hố móng và các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

5.1. Kích thước hố móng:

a) Cống tại K6+326,53 (Cọc 35):

- Cao trình đỉnh đê thiết kế tại vị trí xây dựng cống: (+4.00) m;
- Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-1.15) m;
- Hệ số mái mở móng: $m = 1.5$;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: 4,20 m;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: 18,53 m.

b) Cống tại K6+763,45 (Cọc 49+1.40):

- Cao trình đỉnh đê thiết kế tại vị trí xây dựng cống: (+4.00) m;
- Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-1.50) m;
- Hệ số mái mở móng: $m = 1.5$;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: 5,60 m;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: 20,48 m.

c) Cống tại K7+570,3 (Cọc 87+12.50):

- Cao trình đỉnh đê thiết kế tại vị trí xây dựng cống: (+4.00) m;
- Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-1.15) m;
- Hệ số mái mở móng: $m = 1.5$;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: 4,30 m;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: 18,67 m.

d) Cống tại K8+778,24 (Cọc 141):

- Cao trình đỉnh đê thiết kế tại vị trí xây dựng cống: (+4.00) m;
- Cao trình đáy hố móng tại thân cống: (-0.90) m;
- Hệ số mái mở móng: $m = 1.0$;
- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: 4,00 m;

- Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê: 12,68 m.
- e) Nối dài cống tại K7+806.68 (Cọc 98):
 - Cao trình đỉnh đê thiết kế tại vị trí xây dựng cống: (+4.00) m;
 - Cao trình đáy hố móng: (-1.59) m;
 - Hệ số mái mở móng: $m = 1.5$;
 - Chiều dài cắt xẻ mái đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng: 6,80 m;
 - Chiều dài cắt xẻ mái đê (theo phương dọc đê) tại mái đê: 18,66 m.

5.2. Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

a) Làm mới cống tại K6+326,53 (Cọc 35): Tim cống mới trùng tim cống cũ, có khẩu diện bxx = (1,40x1,60)m, kết cấu cống hộp bằng BTCT M250, xung quanh được đắp đất sét luyện dày 50 cm, tiêu năng thượng hạ lưu cống bằng BTCT M250, dưới BT lót M100 dày 10cm. Nền tại vị trí thân cống được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 25 cọc/1 m², bề tiêu năng và nền sân sau tiêu năng phía đồng được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 16 cọc/1 m². Vận hành cống bằng hệ thống cửa dàn đóng mở ổ khóa V3.

b) Làm mới cống tại K6+763,45 (Cọc 49+1.40): Tim cống mới cách tim cống cũ 1.4m về phía hạ lưu, cống mới có khẩu diện bxx = (1,50x2,50)m, kết cấu cống hộp bằng BTCT M250, xung quanh được đắp đất sét luyện dày 50 cm, tiêu năng thượng hạ lưu cống bằng BTCT M250, dưới BT lót M100 dày 10cm. Nền tại vị trí thân cống và bề tiêu năng 2 phía được gia cố cọc BTCT M300 (0.25x0.25)m dài 5.0m, nền sân sau tiêu năng được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 16 cọc/1 m². Vận hành cống bằng hệ thống cửa dàn đóng mở ổ khóa V5.

c) Làm mới cống tại K7+570,3 (Cọc 87+12.50): Tim cống mới cách tim cống cũ 3.5m về phía thượng lưu. Cống mới có khẩu diện bxx = (1,50x2,50)m, kết cấu cống hộp bằng BTCT M250, xung quanh được đắp đất sét luyện dày 50 cm, tiêu năng thượng hạ lưu cống bằng BTCT M250, dưới BT lót M100 dày 10cm. Nền tại vị trí thân cống được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 25 cọc/1 m², bề tiêu năng và nền sân sau tiêu năng 2 phía được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 16 cọc/1 m². Vận hành cống bằng hệ thống cửa dàn đóng mở ổ khóa V5.

d) Làm mới cống tại K8+778,24 (Cọc 141): Tim cống mới trùng tim cống cũ, có khẩu diện bxx = (1,40x1,60)m, kết cấu cống hộp bằng BTCT M250, xung quanh được đắp đất sét luyện dày 50 cm, tiêu năng thượng hạ lưu cống bằng BTCT M250, dưới BT lót M100 dày 10cm.. Nền tại vị trí thân cống và bề tiêu năng 2 phía được gia cố cọc BTCT M300 (0.25x0.25)m dài 5.0m, nền sân sau tiêu năng được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 16 cọc/1 m². Vận hành cống bằng hệ thống cửa dàn đóng mở ổ khóa V3.

e) Nối dài cống tại K7+806.68 (Cọc 98): Phá bỏ tường đầu cũ phía đồng, nối dài thân cống về phía đồng kiểu cống hộp 2 cửa bằng BTCT M250, xung

quanh được đắp đất sét luyện dày 50 cm, làm mới sân sau tiêu năng bằng BT thường M200. Nền tại vị trí thân cống được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 25 cọc/1 m², bề tiêu năng và nền sân sau tiêu năng phía đồng được gia cố bằng cọc tre già $\phi 6 \div \phi 8$ dài 2.5m, mật độ đóng 16 cọc/1 m². Vận hành cống bằng hệ thống cửa dàn đóng mở ổ khóa V3 phía sông hiện có.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế kèm theo Tờ trình số 33/TTr-SNN&PTNT ngày 05/02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

5. Thời gian được phép thi công: Từ ngày ban hành Quyết định này và hoàn thành theo tiến độ dự án; riêng đối với hạng mục cống qua đê phải thi công hoàn thành đảm bảo yêu cầu chống lũ trước ngày 31/5/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cất đê và thi công công trình đảm bảo theo đúng nội dung Quyết định này, hồ sơ thiết kế được duyệt, quy định của pháp luật về đê điều và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu tại Tờ trình số 33/TTr-SNN&PTNT ngày 05/02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Thủy lợi chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện của chủ đầu tư; kiến nghị với UBND tỉnh thu hồi quyết định cấp phép này nếu chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoàng Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, TTPVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang